TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao

Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2023, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 618/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thu V – Sinh năm: 1974, địa chỉ: Liên gia B, khối C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Trần Thế P – Sinh năm: 1973, địa chỉ: Liên gia B, khối C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu V trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Thu V kết hôn với ông Trần Thế P vào ngày 15/3/2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên bà Huỳnh Thị Thu V đề nghị được ly hôn với ông Trần Thế P và giải quyết vấn đề con chung. Đối với cháu Trần Thế V1 – Sinh ngày: 19/01/1997 và cháu Trần Thế V2 – Sinh ngày: 15/12/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Như Y – Sinh ngày: 24/3/2007 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Thế P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông P không tham gia và cũng không có ý kiến gì.*

** Tại bản tự khai cháu Trần Như Y trình bày:* Cháu Y là con của Bà V và ông P, hiện nay cha mẹ xin ly hôn thì nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu V; cho bà Huỳnh Thị Thu V được ly hôn ông Trần Thế P.

Về con chung: Giao cháu Trần Như Y – Sinh ngày: 24/3/2007 cho bà Huỳnh Thị Thu V trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tự khai của nguyên đơn, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu V, bị đơn ông Trần Thế P. Bà Huỳnh Thị Thu V có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Thế P không tham gia tố tụng. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huỳnh Thị Thu V và ông Trần Thế P theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Huỳnh Thị Thu V và ông Trần Thế P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2002, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu V, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng Bà V, ông P có xảy ra mâu thuẫn, bà Huỳnh Thị Thu V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Trần Thế P và ông P cũng không tham gia tố tụng nên không thể hiện ý chí muốn hàn gắn hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Huỳnh Thị Thu V và ông Trần Thế P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu V, cho bà Huỳnh Thị Thu V được ly hôn ông Trần Thế P.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu V và ông Trần Thế P có 03 con chung. Đối với cháu Trần Thế V1 – Sinh ngày: 19/01/1997 và cháu Trần Thế V2 – Sinh ngày: 15/12/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Trần Như Y – Sinh ngày: 24/3/2007, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu đang sinh sống với Bà V và Bà V cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, do đó cần giao cho Bà V được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Thế P được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Thế P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu V. Cho bà Huỳnh Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Thế P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Như Y – Sinh ngày: 24/3/2007 cho bà Huỳnh

Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Ông Trần Thế P được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thế V1 – Sinh ngày: 19/01/1997 và cháu Trần Thế V2 – Sinh ngày: 15/12/2002 thì các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Huỳnh Thị Thu V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019888 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Trần Thế P không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh